TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 08/CNG-CBTT

Vũng Tàu, ngày 27 tháng 01 năm 2022

V/v: Kế hoạch năm 2022.

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK.TP HCM

Kính gửi:
- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM

Công ty: Công ty Cổ Phần CNG Việt Nam

Mã chứng khoán: CNG

Trụ sở chính: Số 61B - Đường 30/4 - Phường Thắng Nhất - Tp. Vũng Tàu.

Điện Thoại: 0254. 3574.635 Fax: 0254 .3574.619

Loại thông tin công bố: X 24 giờ o 72 giờ o theo yêu cầu o Định kỳ

Nội dung công bố thông tin: Công ty Cổ phần CNG Việt Nam xin công bố thông tin về việc phê duyệt kế hoạch năm 2022 của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam chi tiết như Nghị quyết số 02/NQ-CNG ngày 27/01/2022 đính kèm.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT; CBTT.03.

Người thực hiện công bố thông tin

M.S.D.N:3500800828C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM ★ TP.VŨNG TÀU T.BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Nguyễn Thị Hồng Hải

Người ký: CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM
Ký ngày: 28/01/2022 15:17:41

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 02/NQ - CNG

Vũng Tàu, ngày 27 tháng 01 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê duyệt kế hoạch năm 2022 của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần CNG Việt Nam được ĐHĐCĐ thông qua ngày 18/5/2021;

Xét đề nghị của Giám đốc Công ty tại Tờ trình số 03/TTr-CNG ngày 26/01/2022 về việc Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022;

Căn cứ kết quả phiếu lấy ý kiến của các Thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch năm 2022 của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam, chi tiết như các Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao cho Giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện các công việc theo nội dung phê duyệt tại Điều 1, đảm bảo hiệu quả và tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Ban Giám đốc Công ty, Trưởng các Phòng, Giám đốc các Chi nhánh trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- HĐQT; BKS;
- Lưu VT; HĐQT.03.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N:3500800828C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM
TP.VŨNG TÀU T.BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Nguyễn Thị Hồng Hải

PHỤ LỤC I
KẾ HOẠCH NĂM 2022 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM
(Đính kèm Nghị quyết số: 02/NQ-CNG ngày 27/01/2022)

I. Nhiệm vụ kế hoạch:

- Đảm bảo công tác an ninh, an toàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Phối hợp với Tổng công ty/PV GAS LNG trong công tác chạy thử và vận hành thương mại kho LNG 1 triệu tấn tại Thị Vải, sẵn sàng phương án cấp khí cho khách hàng từ nguồn LNG nhập khẩu;
- Quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và tiết giảm tối đa các phi phí thuê ngoài, kiểm soát chi phí phù hợp với sản lượng, khối lượng công việc thực hiện và kế hoạch HĐQT Công ty phê duyệt;
- Đẩy mạnh các hoạt động phát triển thị trường để gia tăng sản lượng khí tiêu thụ;
- Tăng cường công tác quản lý và thu hồi công nợ;
- Triển khai các dự án cấp LNG cho các khách hàng đúng tiến độ, tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước, Tập đoàn, Tổng Công ty và CNG Việt Nam. Trong đó lưu ý hiệu quả đầu tư trong giai đoạn chuyển tiếp từ CNG sang LNG;
- Bám sát và tổ chức thực hiện hiệu quả chiến lược phát triển kinh doanh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và CNG Việt Nam phê duyệt;
- Rà soát, kiện toàn bộ máy tổ chức, nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả;
- Nâng cao hiệu quả công tác đào tạo trong toàn Công ty. Đảm bảo 100% cán bộ công nhân viên được huấn luyện, đào tạo theo các yêu cầu của pháp luật hiện hành;
- Duy trì, cải tiến và áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý an toàn, chất lượng, môi trường theo mô hình 5S vào các hoạt động sản xuất, vận chuyển, phân phối CNG/LNG.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Tổng sản lượng: 286,0 triệu Sm^3;

Trong đó:

- Miền Nam: 195,0 triệu Sm^3;
- Miền Bắc: 91,0 triệu Sm^3.

III. Kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Giá trị
1	**Giá trị giải ngân**	**Tỷ đồng**	**188,98**
a	Đầu tư xây dựng	Tỷ đồng	112,98
b	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	76,00
2	**Nguồn vốn**	**Tỷ đồng**	**188,98**
a	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	64,14
b	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	124,84

(Chi tiết như Phụ lục II đính kèm).

IV. Kế hoạch tài chính:

Kế hoạch tài chính được xây dựng trên cơ sở giá dầu 60USD/thùng, tỷ giá 1 USD = 23.800 đồng *(Chi tiết như Phụ lục III đính kèm).*

V. Kế hoạch lao động, đào tạo.

- Tổng số lao động: 283 người;
- Chi phí đào tạo: 4,77 tỷ đồng.

VI. Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động: Chi phí an toàn, vệ sinh lao động: 9,93 tỷ đồng.

PHỤ LỤC II: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ NĂM 2022

(Đính kèm Nghị quyết số: 02/NQ-CNG, ngày 27 tháng 01 năm 2022)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Tên Dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian		Tổng mức đầu tư/dự toán được duyệt						Lũy kế giá trị giải ngân từ đầu dự án đến 31/12/2021			Kế hoạch năm 2022				
			KC	HT	Số quyết định	Ngày tháng duyệt	Cơ quan duyệt	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Giá trị thực hiện đầu tư	Giá trị giải ngân			Mục tiêu/Công việc thực hiện
									Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Tổng số	Trong đó		
																Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	
	TỔNG SỐ							**318,00**	**98,90**	**219,10**	**43,90**	**13,43**	**30,47**	**188,98**	**188,98**	**64,14**	**124,85**	
A	**DỰ ÁN NHÓM B**							**80,00**	**24,00**	**56,00**	**43,53**	**13,06**	**30,47**	**27,35**	**27,35**	**8,21**	**19,15**	
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP							80,00	24,00	56,00	43,53	13,06	30,47	27,35	27,35	8,21	19,15	
1	Trụ sở văn phòng CNG Việt Nam	Vũng tàu			520/QĐ-KVN	11/4/2019	PV GAS	80,00	24,00	56,00	43,53	13,06	30,47	27,35	27,35	8,21	19,15	Nghiệm thu CT đưa vào sử dụng
B	**DỰ ÁN NHÓM C**							**122,00**	**36,60**	**85,40**	**0,37**	**0,37**		**85,63**	**85,63**	**29,63**	**56,00**	
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP							80,00	24,00	56,00	0,37	0,37		79,63	79,63	23,63	56,00	
1	Trạm cấp khí LNG Thuận Đạo - Long An	Long An	Q1/2022	Q3/2022				20,00	6,00	14,00	0,28	0,28		19,72	19,72	5,72	14,00	Hoàn thành xây dựng, lắp đặt trạm và quyết toán
2	Trạm cấp khí LNG Trung Nguyên - Bình Thuận	Bình Thuận	Q1/2022	Q4/2022				20,00	6,00	14,00		-		20,00	20,00	6,00	14,00	
3	Trạm cấp khí LNG Tôn Đông Á 2	Bình Dương	Q1/2022	Q4/2022				20,00	6,00	14,00		-		20,00	20,00	6,00	14,00	
4	Trạm cấp khí LNG Mỹ Phước 3	Bình Dương	Q1/2022	Q4/2022				20,00	6,00	14,00	0,09	0,09		19,91	19,91	5,91	14,00	
II	DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ							42,00	12,60	29,40				6,00	6,00	6,00	-	
1	Xây dựng và lắp đặt 04 trạm cấp khí LNG cho khách hàng, công suất 1.000 - 2000 Sm3/h		Q2/2022	Q4/2023				42,00	12,60	29,40				6,00	6,00	6,00	-	Lập dự án và khởi công xây dựng công trình
C	**MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ**							**116,00**	**38,30**	**77,70**				**76,00**	**76,00**	**26,30**	**49,70**	
1	02 xe ô tô đầu kéo CNG/LNG			Q2/2022				5,00	5,00	-				5,00	5,00	5,00	-	Hoàn thành mua sắm
2	05 xe bồn vận chuyển LNG			Q4/2022				40,00	12,00	28,00				40,00	40,00	12,00	28,00	Hoàn thành mua sắm
3	09 bồn LNG cố định 30- 60 m3			Q2/2023				36,00	10,80	25,20				16,00	16,00	4,80	11,20	Nhận giao hàng đợt 1 trong 2 đợt
4	05 cụm thiết bị hóa hơi 1000 - 2000 Sm3/h			Q2/2023				35,00	10,50	24,50				15,00	15,00	4,50	10,50	Hoàn thành mua sắm 2/5 skid.

PHỤ LỤC III: KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2022

(Đính kèm Nghị quyết số 02/NQ-CNG, ngày 27/01/2022)

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Giá trị	Ghi chú
1	**Vốn chủ sở hữu**	**Tỷ đồng**	**542,23**	
	Trong đó VĐL	*Tỷ đồng*	*270,00*	
2	**Doanh thu CNG**	**Tỷ đồng**	**3.232,12**	
-	Miền Nam	Tỷ đồng	2.194,45	
-	Miền Bắc	Tỷ đồng	1.037,67	
3	**LN hoạt động SXKD**	**Tỷ đồng**	**111,39**	
4	**LN tài chính và khác**	**Tỷ đồng**	**(1,36)**	
-	DT tài chính và khác	Tỷ đồng	4,00	
-	CP tài chính và khác	Tỷ đồng	5,36	
5	**Lợi nhuận trước thuế**	**Tỷ đồng**	**110,03**	
6	**Lợi nhuận sau thuế**	**Tỷ đồng**	**88,03**	
7	**Tỷ suất LNST/VĐL**	**%**	**32,60%**	
8	**Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL**	**%**	**15,00%**	
9	**Nộp NSNN**	**Tỷ đồng**	**43,63**	
10	**Lợi nhuận chưa phân phối năm 2020**	**Tỷ đồng**	**35,94**	
11	**Phân phối lợi nhuận**	**Tỷ đồng**		
-	Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (tương đương 3 tháng lương)	Tỷ đồng	15,00	
-	Trích Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	Tỷ đồng	0,50	
-	Chia cổ tức bằng tiền mặt (15%/VĐL)	Tỷ đồng	40,50	
-	Lợi nhuận giữ lại	Tỷ đồng	67,96	